

Công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
The Fund Management Company: Manulife Investment Fund Management (Vietnam) Company Limited
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q 7, TPHCM
Address: 4th Floor, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái Street, Tân Phú Ward, District 7, Ho Chi Minh City, Vietnam
Điện thoại: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761
Tel: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 25/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)
Form B09 - CTQ
(According to Circular 125/2011/TT-BTC of Ministry of Finance)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

QUÝ IV NĂM 2024
4th Quarter 2024

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP / THE COMPANY

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam) là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Quyết định số 04/UBCK-GPHDQLQ ngày 14 tháng 6 năm 2005 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và quyết định điều chỉnh mới nhất số 122/GPEC-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2021 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303861449 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 6 năm 2005 và giấy chứng nhận đăng ký điều chỉnh mới nhất ngày 12 tháng 12 năm 2022.

Chủ sở hữu duy nhất của Công ty là Công ty trách nhiệm hữu hạn Manulife (Việt Nam), là một doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 2122/GP ngày 12 tháng 6 năm 1999 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và Giấy phép chấp thuận cho Công ty thực hiện kinh doanh bảo hiểm số 13TC/GCN ngày 20 tháng 5 năm 1999 do Bộ Tài chính cấp. Công ty me đã tiến hành đăng ký lại giấy phép kinh doanh theo Luật kinh doanh bảo hiểm và nhận giấy phép thành lập và hoạt động mới số 13/GPKDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 24 tháng 1 năm 2005 và giấy phép kinh doanh điều chỉnh mới nhất số 13/GPEC28(KDBH ngày 5 tháng 10 năm 2022.

Hoạt động chính của Công ty là lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Vào thời điểm 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có một (1) văn phòng đại diện tại Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 31 người (31 tháng 12 năm 2023: 34 người).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty đang thực hiện quản lý:

- Danh mục đầu tư của Công ty trách nhiệm hữu hạn Manulife (Việt Nam)
- Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife
- Quỹ Đầu tư Cân bằng Manulife
- Quỹ Đầu tư Năng động Manulife

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
The Fund Management Company: Manulife Investment Fund Management (Vietnam) Company Limited
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TP HCM
Address: 4th Floor, Manulife Plaza, 75 Hoang Van Thai Street, Tan Phu Ward, District 7, Ho Chi Minh City, Vietnam
Điện thoại: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761
Tel: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)
Form B09 - CTQ
(According to Circular 125/2011/TT-BTC of Ministry of Finance)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

QUÝ IV NĂM 2024
4th Quarter 2024

Manulife Investment Fund Management (Vietnam) Company Limited ("the Company") is a one-member limited liability company established pursuant to Decision No. 04/UBCK-GPHDQLQ issued by the State Securities Commission on 14 June 2005 and the latest amended decision No. 122/GPDC-UBCK dated 24 December 2021 and Certificate of Business Registration No. 0303861449 issued by Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City on 14 June 2005 and the latest amendment certificate dated 12 December 2022.

The Company's sole owner is Manulife (Vietnam) Limited, a 100% foreign-owned enterprise incorporated under the Law on Enterprise of Vietnam pursuant to Investment License No. 2122/GP issued by the Ministry of Planning and Investment on 12 June 1999 and Certificate of Eligibility to carry out insurance business No. 13TC/GCN issued by the Ministry of Finance ("the MoF") on 20 May 1999. The parent company re-registered itself under the Law of Insurance Business and received License of Establishment and Operation No. 13 GP/KDBH issued by the MoF on 24 January 2005 and the latest Amendment License No. 13/GPDC28/KDBH dated 5 October 2022.

The principal activities of the Company are to establish and manage investment funds and securities portfolio, financial consulting and securities investment.

The Company's head office is located at 4th Floor, Manulife Plaza, 75 Hoang Van Thai Street, Tan Phu Ward, District 7, Ho Chi Minh City, Vietnam. As at 31 December 2024, the Company has one (1) representative office in Hanoi.

The number of Company's employees as at 31 December 2024 is 31 persons (31 December 2023: 34 persons).

As at 31 December 2024, The Company manages:

- Investment portfolio of Manulife (Vietnam) Limited
- Manulife Equity Fund
- Manulife Balanced Fund
- Manulife Dynamic Investment Fund

CƠ SỞ TRÌNH BÀY / BASIS OF PREPARATION

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng / Accounting standards and system

Báo cáo tài chính quý của Công ty được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính quý và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1),
 - ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2),
 - ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3),
 - ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4), và
 - ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).
- Theo đó, báo cáo tài chính quý được trình bày kèm theo các báo cáo này không đánh giá cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa các báo cáo này không được chủ định trình bày tình hình tài chính quý, kết quả hoạt động kinh doanh quý và lưu chuyển tiền tệ quý theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
The Fund Management Company: Manulife Investment Fund Management (Vietnam) Company Limited
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM
Address: 4th Floor, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái Street, Tân Phú Ward, District 7, Ho Chi Minh City, Vietnam
Điện thoại: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761
Tel: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)
Form B09 - CTQ
(According to Circular 125/2011/TT-BTC of Ministry of Finance)

BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

QUÝ IV NĂM 2024
4th Quarter 2024

The financial statements of the Company are prepared in accordance with Vietnamese Enterprise Accounting System, the accounting policies set out in Circular No. 125/2011/TT-BTC dated 5 September 2011 issued by the Ministry of Finance providing the accounting guidance for fund management companies, Vietnamese Accounting Standards No. 27 - Financial Reporting and the Vietnamese Accounting Standards ("VAS") issued by the Ministry of Finance as per:

- Decision No. 149/2001/QĐ-BTC dated 31 December 2001 on the Issuance and Promulgation of Four Vietnamese Accounting Standards (Series 1);
- Decision No. 165/2002/QĐ-BTC dated 31 December 2002 on the Issuance and Promulgation of Six Vietnamese Accounting Standards (Series 2);
- Decision No. 234/2003/QĐ-BTC dated 30 December 2003 on the Issuance and Promulgation of Six Vietnamese Accounting Standards (Series 3);
- Decision No. 12/2005/QĐ-BTC dated 15 February 2005 on the Issuance and Promulgation of Six Vietnamese Accounting Standards (Series 4); and
- Decision No. 100/2005/QĐ-BTC dated 28 December 2005 on the Issuance and Promulgation of Four Vietnamese Accounting Standards (Series 5)

The accompanying financial statements, including their utilization are not designed for those who are not informed about Vietnam's accounting principles, procedures and practices, and furthermore not intended to present the financial position, results of operations and cash flows of the Company in accordance with accounting principles and practices generally accepted in countries other than Vietnam.

2.2 Kỳ kế toán năm / Fiscal year

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.
The Company's fiscal year applicable to the preparation of the financial statements starts on 1 January and ends on 31 December.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán / Accounting currency

Báo cáo tài chính quý được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND").
The financial statements are prepared in the Company's accounting currency of Vietnam Dong ("VND").

2.4 Hình thức sổ kế toán áp dụng / Applied accounting documentation system

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.
The Company's applied accounting documentation system is the General Journal.

3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

STATEMENT OF COMPLIANCE OF VIETNAMESE ACCOUNTING STANDARDS AND VIETNAMESE ACCOUNTING SYSTEM

Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính quý tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn đối với công ty quản lý quỹ.

The Company commits to prepare financial statements in accordance with the Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Enterprise Accounting System and the accounting policies set out in Circular No. 125/2011/TT-BTC dated 5 September 2011 issued by the Ministry of Finance providing the accounting guidance for fund management companies.

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
The Fund Management Company: Manulife Investment Fund Management (Vietnam) Company Limited
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM
Address: 4th Floor, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái Street, Tân Phú Ward, District 7, Ho Chi Minh City, Vietnam
Điện thoại: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761
Tel: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)
Form B09 - CTQ
(According to Circular 125/2011 TT-BTC of Ministry of Finance)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

QUÝ IV NĂM 2024
4th Quarter 2024

TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU / SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES
Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh / Changes in accounting policies and disclosures

4
4.1

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính quý được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

The accounting policies adopted by the Company in preparation of the financial statements are consistent with those followed in the preparation of the Company's annual financial statements for the year ended 31 December 2023.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền / Cash and cash equivalents

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Cash and cash equivalents comprise cash on hand, cash in banks and short-term deposits with an original maturity of not more than three months that are readily convertible into known amounts of cash and that are subject to an insignificant risk of change in value.

4.3 Đầu tư tài chính ngắn hạn / Short-term investments

Đầu tư ngắn hạn bao gồm tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng, các khoản đầu tư định kỳ không quá một năm. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Short-term investments comprise of term deposits at banks which are maturing within 12 months or intended to be held for not more than one year. These investments are initially recognised at cost and are subsequently recognised at cost during the holding period.

4.4 Các khoản phải thu / Receivables

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính quý theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo lớn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế làm vào tính trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, Công ty thực hiện trích lập dự phòng.
Chi tiết tỷ lệ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
The Fund Management Company: Manulife Investment Fund Management (Vietnam) Company Limited
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM
Address: 4th Floor, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái Street, Tân Phú Ward, District 7, Ho Chi Minh City, Vietnam
Điện thoại: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761
Tel: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)
Form B09 - CTQ
(According to Circular 125/2011/TT-BTC of Ministry of Finance)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

QUÝ IV NĂM 2024
4th Quarter 2024

Receivables are presented in the financial statements at the carrying amounts due from customers and other debtors, after provision for doubtful debts. Provision for doubtful debts is set up based on the aging schedule of overdue debts or expected losses which may occur in case where a debt has not yet been due for payment but the economic organization debtor has become bankruptcy or liquidated; or individual debtor is missing, run away, being prosecuted, under a trial or serving a sentence or dead. Provision for doubtful debts is recorded into general and administrative expense for the period.
For overdue debts, the Company has made provision for debts. Details on the basis of provisioning are as follows:

Thời gian quá hạn / Overdue period	Mức trích dự phòng / Provision rate
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm / From over six (6) months up to one (1) year	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm / From one (1) year up to two (2) years	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm / From two (2) years up to three (3) years	70%
Từ ba (3) năm trở lên / From three (3) years and above	100%

4.5 Tài sản cố định hữu hình / Tangible fixed assets

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.
Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý khi phát sinh.
Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý.

Tangible fixed assets are stated at cost less accumulated depreciation.
The cost of a tangible fixed asset comprises its purchase price and any directly attributable costs of bringing the tangible fixed asset to working condition for its intended use.
Expenditures for additions, improvements and renewals are added to the carrying amount of the assets and expenditures for maintenance and repairs are charged to the income statement as incurred.
When tangible fixed assets are sold or retired, any gain or loss resulting from their disposal (the difference between the net disposal proceeds and the carrying amount) is included in the income statement.

4.6 Thuế tài sản / Leased assets

Các khoản tiền thuế theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh quý theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.
Rentals under operating leases are charged to the income statement on a straight-line basis over the term of the lease.

4.7 Khấu hao / Depreciation

Khấu hao thiết bị văn phòng được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính là từ ba (3) đến năm (5) năm.
Depreciation of office equipment is calculated on a straight-line basis over an estimated useful life from three (3) to five (5) years.

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
The Fund Management Company: Manulife Investment Fund Management (Vietnam) Company Limited
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q 7, TPHCM
Address: 4th Floor, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái Street, Tân Phú Ward, District 7, Ho Chi Minh City, Vietnam
Điện thoại: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761
Tel: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)
Form B09 - CTQ
(According to Circular 125/2011/TT-BTC of Ministry of Finance)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

QUÝ IV NĂM 2024
4th Quarter 2024

4.8 Chi phí trả trước / Prepaid expenses

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán quý và được phân bổ theo khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc theo khoảng thời gian các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Prepaid expenses are reported as short-term or long-term prepaid expenses on the balance sheet and amortized over the period for which the amounts are paid or the period in which economic benefits are generated in relation to these expenses.

4.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước / Payables and accruals

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Payables and accruals are recognised for amounts to be paid in the future for goods and services received, whether or not billed to the Company.

4.10 Trợ cấp thôi việc phải trả / Accrual for severance pay

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc cho khoảng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty nhưng không tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội mà chưa được chi trả khoản Trợ cấp thôi việc. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoài trừ phần thanh toán trừ phần thanh toán sẽ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

The severance pay to employees is accrued at the end of each reporting period for all employees who have from 12 months or more in service at the rate of one-half of the average monthly salary for each year of service. The period covered under severance pay is the time that employees actually work for the Company but do not take part in Unemployment insurance and have not been paid for severance pay. The average monthly salary used in this calculation will be revised at the end of each reporting period following the average monthly salary of the 6-month period up to the reporting date. Increases and decreases to the accrued amount other than actual payment to employee will be taken to the income statement.

This accrued severance pay is used to settle the termination allowance to be paid to employee upon termination of their labour contract following Article 48 of the Labour Code.

4.11 Các quỹ / Reserves

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập để sử dụng bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập để sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Chủ tịch công ty theo quy định hiện hành.

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Chủ sở hữu phù hợp với các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
The Fund Management Company: Manulife Investment Fund Management (Vietnam) Company Limited
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q 7, TPHCM
Address: 4th Floor, Manulife Plaza, 75 Hoang Van Thai Street, Tan Phu Ward, District 7, Ho Chi Minh City, Vietnam
Điện thoại: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761
Tel: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)
Form B09 - CTQ
(According to Circular 125/2011/TT-BTC of Ministry of Finance)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

QUÝ IV NĂM 2024
4th Quarter 2024

Supplementary capital reserve is used to supplement charter capital of the Company.
Financial reserve is used to supplement the charter capital or according to Chairman's decision in compliance with current regulations..
Other reserves are created in accordance with the Resolution of the Owner in compliance with related regulations.

4.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ / Foreign currency transactions

Công ty áp dụng hướng dẫn tại Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 để hạch toán các nghiệp vụ bằng ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch ("tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình"). Tỷ giá xấp xỉ này có chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng tháng trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá thông báo bởi công ty mẹ.
Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quỹ.

The Company applies guidance of Circular No. 53/2016/TT-BTC dated 21 March 2016 amending and supplementing some articles of Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 to record foreign currency transactions.

Transactions in currencies other than the Company's reporting currency of (VND) are recorded at the exchange rate that approximates the average of buying and selling transfer exchange rates announced by the commercial bank where the Company most frequently conducts its transactions ("the average transfer exchange rate"). This approximate exchange rate does not exceed +/- 1% of the average transfer exchange rate. The average transfer exchange rate is determined monthly based on the average of daily buying transfer rates and selling transfer rates of the commercial bank.

At the end of the period, balances of monetary items denominated in foreign currencies are translated at the transfer exchange rate announced by the parent company.

All foreign exchange differences incurred during the period and arising from the revaluation of monetary accounts denominated in foreign currency at period-end are taken to the income statement

4.13 Ghi nhận doanh thu / Revenue recognition

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Phí quản lý

Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng quản lý đầu tư.

Trên lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
The Fund Management Company: Manulife Investment Fund Management (Vietnam) Company Limited
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q 7, TPHCM
Address: 4th Floor, Manulife Plaza, 75 Hoang Van Thai Street, Tan Phu Ward, District 7, Ho Chi Minh City, Vietnam
Điện thoại: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761
Tel: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)
Form B09 - CTQ
(According to Circular 125/2011/TT-BTC of Ministry of Finance)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

QUÝ IV NĂM 2024
4th Quarter 2024

Revenue is recognised to the extent that it is probable that the economic benefits will flow to the Company and the revenue can be reliably measured. The following specific recognition criteria must also be met before revenue is recognised:
Management fee
Revenue is recognised on an accrual basis in accordance with the terms and conditions of the investment management agreement.
Interest income
Revenue is recognised as interest accrues (taking into account the effective field on the asset) unless the collectability is in doubt.

Thuế / Taxation

4.14

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán quý.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh quý ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong

trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính Quý.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh quý ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
The Fund Management Company: Manulife Investment Fund Management (Vietnam) Company Limited
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TP.HCM
Address: 4th Floor, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái Street, Tân Phú Ward, District 7, Ho Chi Minh City, Vietnam
Điện thoại: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761
Tel: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)
Form B09 - CTQ
(According to Circular 125/2011/TT-BTC of Ministry of Finance)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

QUÝ IV NĂM 2024
4th Quarter 2024

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế, hoặc
- công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trong yếu của thuế thu nhập hoàn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoàn lại được thanh toán hoặc thu hồi.
- Current income tax
- Current income tax assets and liabilities for the current and prior periods are measured at the amount expected to be recovered from or paid to the taxation authorities. The tax rates and tax laws used to compute the amount are those that are enacted as at the balance sheet date.
- Current income tax is charged or credited to the income statement, except when it relates to items recognised directly to equity, in which case the current income tax is also dealt with in equity.
- Current income tax assets and liabilities are offset when there is a legally enforceable right for the Company to set off current tax assets against current tax liabilities and when the Company intends to settle its current tax assets and liabilities on a net basis.
- Deferred tax
- Deferred tax is provided using the liability method on temporary differences at the balance sheet date between the tax base of assets and liabilities and their carrying amount for financial reporting purposes. Deferred tax liabilities are recognised for all taxable temporary differences, except where the deferred tax liability arises from the initial recognition of an asset or liability in a transaction which at the time of the related transaction affects neither the accounting profit nor taxable profit or loss.
- Deferred tax assets are recognised for all deductible temporary differences, carried forward unused tax credit and unused tax losses, to the extent that it is probable that taxable profit will be available against which deductible temporary differences, carried forward unused tax credit and unused tax losses can be utilized, except whether the deferred tax asset in respect of deductible temporary difference which arises from the initial recognition of an asset or liability which at the time of the related transaction, affects neither the accounting profit nor taxable profit or loss.
- The carrying amount of deferred income tax assets is reviewed at each balance sheet date and reduced to the extent that it is no longer probable that sufficient taxable profit will be available to allow all or part of the deferred income tax asset to be utilized. Previously unrecognised deferred income tax assets are re-assessed at each balance sheet date and are recognised to the extent that it has become probable that future taxable profit will allow the deferred tax assets to be recovered.
- Deferred income tax assets and liabilities are measured at the tax rates that are expected to apply in the period when the asset realize or the liability is settled based on tax rates and tax laws that have been enacted at the balance sheet date.
- Deferred tax is charged or credited to the income statement, except when it relates to items recognised directly to equity, in which case the deferred tax is also dealt with in the equity account.
- Deferred tax assets and liabilities are offset when there is a legally enforceable right for the Company to set off current tax assets against current tax liabilities and when they relate to income taxes levied by the same taxation authority on
 - either the same taxable entity; or
 - when the Company intends either settle current tax liabilities and assets on a net basis or to realize the assets and settle the liabilities simultaneously, in each future period in which significant amounts of deferred tax liabilities or assets are expected to be settled or recovered.

4.15

Công cụ tài chính / Financial instruments

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày
Financial instruments – Initial recognition and presentation

Tài sản tài chính / Financial assets

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính quỹ, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quỹ, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
The Fund Management Company: Manulife Investment Fund Management (Vietnam) Company Limited
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM
Address: 4th Floor, Manulife Plaza, 75 Hoang Van Thai Street, Tan Phu Ward, District 7, Ho Chi Minh City, Vietnam
Điện thoại: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761
Tel: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)
Form B09 - CTQ
(According to Circular 125/2011/TT-BTC of Ministry of Finance)

BAN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

QUY IV NĂM 2024
4th Quarter 2024

sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu từ hoạt động quản lý quỹ và phải thu khác.

Financial assets within the scope of Circular No. 210/2009/TT-BTC ("Circular 210") are classified, for disclosures in the notes to the financial statements, as financial assets at fair value through profit or loss, held-to-maturity investments, loans and receivables or available-for-sale financial assets as appropriate. The Company determines the classification of its financial assets at initial recognition.

All financial assets are recognised initially at cost plus directly attributable transaction costs.

The Company's financial assets include cash and cash equivalents, short-term investments, receivable from fund management activities and other receivables.

Nợ phải trả tài chính / Financial liabilities

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính quỹ, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quỹ, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, các khoản chi phí phải trả và phải trả khác.

Financial liabilities within the scope of Circular 210 are classified, for disclosures in the notes to the financial statements, as financial liabilities at fair value through profit or loss or financial liabilities measured at amortized cost as appropriate. The Company determines the classification of its financial liabilities at initial recognition.

All financial liabilities are recognised initially at cost net of directly attributable transaction costs.

The Company's financial liabilities include trade payables, other payables and accrued expenses.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Financial instruments – subsequent re-measurement

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

There is currently no guidance in Circular 210 in relation to subsequent re-measurement of financial instruments. Accordingly, the financial instruments are subsequently re-measured at cost.

Bù trừ các công cụ tài chính

Offsetting of financial instruments

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán quý nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Financial assets and financial liabilities are off-set and the net amount reported in the balance sheet if, and only if, there is a currently enforceable legal right to offset the recognised amounts and there is an intention to settle on a net basis, or to realize the assets and settle the liabilities simultaneously.

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
The Fund Management Company: Manulife Investment Fund Management (Vietnam) Company Limited
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM
Address: 4th Floor, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái Street, Tân Phú Ward, District 7, Ho Chi Minh City, Vietnam
Điện thoại: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761
Tel: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)
Form B09 - CTQ
(According to Circular 125/2011/TT-BTC of Ministry of Finance)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

QUÝ IV NĂM 2024
4th Quarter 2024

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN /CASH AND CASH EQUIVALENTS

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 31 December 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 31 December 2023
	VND	VND
Tiền gửi tại ngân hàng / Current accounts	13.486.255.361	25.317.846.984
- Ngân hàng Citibank N.A. chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh / Citibank N.A. Ho Chi Minh City Branch	9.211.588.139	22.251.544.304
- Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) / HSBC Bank (Vietnam) Ltd.	3.923.274.980	2.603.839.955
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) / JSC Bank for Foreign Trade of Vietnam (Vietcombank)	351.392.242	462.462.725
Tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng / Cash Equivalents	280.054.700.500	-
- Ngân hàng DBS Bank Ltd. chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh / DBS Bank Ltd, HCM branch	152.853.521.774	-
- Ngân hàng BNP Paribas, chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh / BNP Paribas, Ho Chi Minh City Branch	127.201.178.726	-
	293.540.955.861	25.317.846.984



Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
The Fund Management Company: Manulife Investment Fund Management (Vietnam) Company Limited
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM
Address: 4th Floor, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái Street, Tân Phú Ward, District 7, Ho Chi Minh City, Vietnam
Điện thoại: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761
Tel: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)
Form B09 - CTQ
(According to Circular 125/2011 TT-BTC of Ministry of Finance)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

QUÝ IV NĂM 2024
4th Quarter 2024

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN / SHORT-TERM INVESTMENTS

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 31 December 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 31 December 2023	VND	VND
Tiền gửi tại ngân hàng				
- Ngân hàng BNP Paribas, chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh / BNP Paribas, Ho Chi Minh City Branch	107.294.088.962		55.574.512.357	
- Ngân hàng MUFG Bank Ltd., chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh / MUFG Bank, Ltd., Ho Chi Minh Branch	143.777.348.337		181.518.414.875	
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) / JSC Bank for Investment and Development of Vietnam (BIDV)	90.316.212.339		85.164.458.944	
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam / Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development	121.122.909.059		85.315.394.991	
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) / Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade (Vietinbank)	58.762.847.429		61.371.967.546	
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) / Vietnam Technological and Commercial Joint Stock Bank (Techcombank)	74.638.611.053		-	
- Ngân hàng DBS Bank Ltd, chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh / DBS Bank Ltd, Ho Chi Minh City Branch	46.574.280.014		107.410.726.142	
- Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) / -Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank (VPBank)	-		75.957.173.363	
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) / JSC Bank for Foreign Trade of Vietnam (Vietcombank)	31.816.987.949		19.019.888.248	
	674.303.285.142		671.332.536.466	

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng, kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng lại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và được hưởng lãi suất từ 3,6% năm đến 5,50% năm.
The Company's short-term investments include bank deposits having original terms greater than 3 months, remaining terms not greater than 12 months at 31 December 2024 and interest rates ranging from 3.6% to 5.5% per annum.

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
The Fund Management Company: Manulife Investment Fund Management (Vietnam) Company Limited
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TP.HCM
Address: 4th Floor, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái Street, Tân Phú Ward, District 7, Ho Chi Minh City, Vietnam
Điện thoại: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761
Tel: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)
Form B09 - CTQ
(According to Circular 125/2011 TT-BTC of Ministry of Finance)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

QUÝ IV NĂM 2024
4th Quarter 2024

7. PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ / RECEIVABLES FROM OPERATING ACTIVITIES

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 31 December 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 31 December 2023
	VND	VND
Phải thu hoạt động quản lý danh mục / Receivables from portfolio management activities	30.277.883.743	27.019.079.498
Phải thu hoạt động quản lý Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife / Receivable from Manulife Equity Fund management activities	806.580.106	884.724.421
Phải thu hoạt động quản lý Quỹ Đầu tư Cân bằng Manulife / Receivable from Manulife Balanced Fund management activities	251.020.512	261.946.621
Phải thu hoạt động tư vấn đầu tư / Receivable from investment advisory service	137.006.638	517.549.776
Phải thu khác từ hoạt động nghiệp vụ / Other receivables from operating activities	142.215.275	68.388.421
	31.614.706.274	28.751.688.737

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC / OTHER RECEIVABLES

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 31 December 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 31 December 2023
	VND	VND
Lãi phải thu từ tiền gửi có kỳ hạn / Interest receivable from short-term deposits	12.285.571.677	21.255.640.115
Các khoản phải thu khác / Others	5.000.000	14.902.841
	12.290.571.677	21.270.542.956

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
The Fund Management Company: Manulife Investment Fund Management (Vietnam) Company Limited
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q 7, TPHCM
Address: 4th Floor, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái Street, Tân Phú Ward, District 7, Ho Chi Minh City, Vietnam
Điện thoại: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761
Tel: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)
Form B09 - CTQ
(According to Circular 125/2011/TT-BTC of Ministry of Finance)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

QUÝ IV NĂM 2024
4th Quarter 2024

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH /TANGIBLE FIXED ASSETS

	Thiết bị văn phòng / Office equipment	VND
Nguyên giá /Cost		
Ngày 1 tháng 1 năm 2024 / Beginning balance		1.213.455.280
Mua mới trong kỳ / Newly purchase in the period		285.729.400
Xóa số / Write-off		(335.925.280)
Ngày 31 tháng 12 năm 2024 / Ending balance		1.163.259.400
Trong đó / In which:		
Tài sản đã khấu hao hết / Fully depreciated		269.120.000
Giá trị khấu hao lũy kế / Accumulated depreciation		
Ngày 1 tháng 1 năm 2024 / Beginning balance		(695.463.620)
Khấu hao trong kỳ / Depreciation for the period		(259.856.804)
Xóa số / Write-off		335.925.280
Ngày 31 tháng 12 năm 2024 / Ending balance		(619.395.144)
Giá trị còn lại / Net book value		
Ngày 1 tháng 1 năm 2024 / Beginning balance		517.991.660
Ngày 31 tháng 12 năm 2024 / Ending balance		543.864.256

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN /LONG-TERM PREPAID EXPENSES

	Cho kỳ kế toán mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 For the twelve-month period ended 31 December 2024	Năm trước Previous year
	VND	VND
Số đầu kỳ / Beginning balance	964.691.575	1.508.085.856
Tăng trong kỳ / Increase during the period	-	364.167.008
Phân bổ trong kỳ / Amortization during the period	(728.635.051)	(907.561.289)
Số cuối kỳ / Ending balance	236.056.524	964.691.575

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
The Fund Management Company: Manulife Investment Fund Management (Vietnam) Company Limited
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM
Address: 4th Floor, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái Street, Tân Phú Ward, District 7, Ho Chi Minh City, Vietnam
Điện thoại: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761
Tel: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)
Form B09 - CTQ
(According to Circular 125/2011/TT-BTC of Ministry of Finance)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

QUÝ IV NĂM 2024
4th Quarter 2024

THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC / STATUTORY OBLIGATIONS

	Số đầu kỳ Beginning balance	Cho kỳ kế toán mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 During the period		Số cuối kỳ Ending balance
		Phải trả / Payable	Đã nộp / Payment made	
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp / Corporate income tax	15.239.532.930	67.215.829.882	(65.686.090.930)	16.769.271.882
Thuế thu nhập cá nhân / Personal income tax	930.776.555	14.481.681.745	(14.638.080.448)	774.377.852
Thuế nhà thầu / Withholding tax	-	1.365.577.627	(986.681.618)	378.896.009
Thuế giá trị gia tăng / Value added tax	475.671	8.379.878	(8.379.878)	475.671
	16.170.785.156	83.071.469.132	(81.319.232.874)	17.923.021.414

CHI PHÍ PHẢI TRẢ / ACCRUED EXPENSES

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 31 December 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 31 December 2023
	VND	VND
Tiền thưởng / Performance bonus	12.015.808.000	10.364.707.000
Chi phí tiếp thị / Marketing expenses	257.000.000	959.000.000
Thuế nhà thầu phí dịch vụ / Withholding tax on service fee	410.260.007	739.967.007
Chi phí dịch vụ tư vấn / Professional service fee	1.153.440.000	1.738.090.000
Phúc lợi nhân viên / Employee benefits	374.560.000	470.760.000
Chi phí hỗ trợ phân phối chứng chỉ quỹ / Supporting fee for mutual fund distribution	528.422.643	311.648.640
Chi phí phải trả khác / Others	297.246.399	445.940.799
	15.036.737.049	15.030.113.446

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
The Fund Management Company: Manulife Investment Fund Management (Vietnam) Company Limited
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q 7, TPHCM
Address: 4th Floor, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái Street, Tân Phú Ward, District 7, Ho Chi Minh City, Vietnam
Điện thoại: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761
Tel: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011 TT-BTC của Bộ Tài chính)
Form B09 - CTQ
(According to Circular 125/2011 TT-BTC of Ministry of Finance)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

QUÝ IV NĂM 2024
4th Quarter 2024

CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC / OTHER PAYAİ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 31 December 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 31 December 2023
	VND	VND
Cổ tức, lợi nhuận phải trả cho Công ty Mẹ / Dividend payable to the Parent company	500.000.000.000	-
Phải trả các bên liên quan / Payables to related parties	4.761.344.354	7.885.950.723
Tiền thưởng cho quản lý cấp cao / Executive bonus	1.747.975.510	2.414.897.586
Khác / Others	24.144.308	24.144.308
	506.533.464.172	10.324.992.617

VỐN ĐÁU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU / CONTRIBUTED CAPITAL

Theo Giấy phép điều chỉnh số 05/GPEC-UBCK Per Amended License No. 05/GPDC-UBCK	Tỷ lệ sở hữu Ownership (%)	Vốn đã góp Contributed legal capital VND
VND		
83.000.000.000	100	83.000.000.000

Công ty TNHH Manulife (Việt Nam) / Manulife (Vietnam)
Limited

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
The Fund Management Company: Manulife Investment Fund Management (Vietnam) Company Limited
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM
Address: 4th Floor, Manulife Plaza, 75 Hoang Van Thai Street, Tan Phu Ward, District 7, Ho Chi Minh City, Vietnam
Điện thoại: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761
Tel: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011 TT-BTC của Bộ Tài chính)
Form B09 - CTQ
(According to Circular 125/2011 TT-BTC of Ministry of Finance)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

QUY IV NĂM 2024
4th Quarter 2024

15. DOANH THU VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH / REVENUE FROM OPERATING ACTIVITIES

	Cho kỳ kế toán mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	Cho kỳ kế toán mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
	For the twelve-month period ended 31 December 2024	For the twelve-month period ended 31 December 2023
	VND	VND
Phí quản lý danh mục đầu tư từ Công ty TNHH Manulife (Việt Nam) / Management fee from Manulife (Vietnam) Limited	366.108.178.637	319.975.747.418
Phí quản lý Quỹ đầu tư Cổ phiếu Manulife / Management fee from Manulife Equity Fund	10.723.581.133	11.047.776.794
Phí quản lý Quỹ đầu tư Cân bằng Manulife / Management fee from Manulife Balanced Fund	3.256.797.083	3.234.279.852
Phí dịch vụ tư vấn đầu tư / Income from investment advisory service fee	311.849.353	273.952.678
Phí thu từ các giao dịch mua/bán chứng chỉ quỹ / Income from subscription and redemption fee	2.492.562.118	1.510.880.212
	382.892.968.324	336.042.636.954

16. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH / EXPENSES FROM OPERATING ACTIVITIES

	Cho kỳ kế toán mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	Cho kỳ kế toán mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
	For the twelve-month period ended 31 December 2024	For the twelve-month period ended 31 December 2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên / Labour costs	31.650.066.860,00	31.321.373.606
Chi phí dịch vụ mua ngoài / Expenses for external services	3.353.438.211,00	3.691.095.928
Thuê văn phòng / Rental fees	732.663.837,00	645.270.450
Chi phí bảo hiểm / Insurance expenses	278.755.009,00	243.108.528
Chi phí khấu hao / Depreciation	75.522.895,00	33.976.089
Chi phí khác / Other expenses	860.956.021,00	1.090.149.900
	36.951.402.833,00	37.024.974.501

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
The Fund Management Company: Manulife Investment Fund Management (Vietnam) Company Limited
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q 7, TPHCM
Address: 4th Floor, Manulife Plaza, 75 Hoang Van Thai Street, Tan Phu Ward, District 7, Ho Chi Minh City, Vietnam
Điện thoại: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761
Tel: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)
Form B09 - CTQ
(According to Circular 125/2011/TT-BTC of Ministry of Finance)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

QUÝ IV NĂM 2024
4th Quarter 2024

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH / INCOME FROM FINANCIAL ACTIVITIES

Cho kỳ kế toán mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	Cho kỳ kế toán mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
For the twelve-month period ended 31 December 2024	For the twelve-month period ended 31 December 2023
VND	VND
39.144.297.644	36.228.050.512
39.144.297.644	36.228.050.512

Thu nhập lãi từ tiền gửi / Interest income earned from term-deposits with banks.
Lãi chênh lệch tỷ giá / Income from Foreign currency difference

18. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP / GENERAL AND ADMINISTRATIVE EXPENSES

Cho kỳ kế toán mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	Cho kỳ kế toán mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
For the twelve-month period ended 31 December 2024	For the twelve-month period ended 31 December 2023
VND	VND
30.586.586.883	27.973.223.662
4.605.569.452	2.160.070.674
5.243.665.078	5.078.442.727
2.934.287.578	3.035.167.756
1.740.434.991	1.720.721.213
1.606.350.084	1.503.744.173
884.147.936	3.145.315.735
660.125.703	648.289.410
178.379.242	90.602.908
3.700.569.660	2.261.255.412
52.140.116.607	47.616.833.670

Chi phí nhân viên / Labor costs
Chi phí hỗ trợ phân phối chung chi quỹ / Supporting fee for mutual fund distribution
Chi phí dịch vụ mua ngoài / Expenses for external services
Chi phí duy trì hệ thống Quản lý tài sản / Maintenance charges for asset management system
Thuê văn phòng / Rental fees
Chi phí dịch vụ IT / IT service expenses
Chi phí tiếp thị / Marketing expenses
Chi phí bảo hiểm / Insurance expenses
Chi phí khấu hao / Depreciation
Chi phí khác / Other expenses

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
The Fund Management Company: Manulife Investment Fund Management (Vietnam) Company Limited
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM
Address: 4th Floor, Manulife Plaza, 75 Hoang Van Thai Street, Tan Phu Ward, District 7, Ho Chi Minh City, Vietnam
Điện thoại: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761
Tel: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)
Form B09 - CTQ
(According to Circular 125/2011/TT-BTC of Ministry of Finance)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

QUÝ IV NĂM 2024
4th Quarter 2024

THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP / CORPORATE INCOME TAX

19. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với mức thuế suất bằng 20% lợi nhuận chịu thuế từ năm 2016.
Công ty chưa được cơ quan thuế quyết toán thuế.
Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính quỹ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

The Company has the obligation to pay corporate income tax ("CIT") at the rate of 20% of taxable income from 2016 onwards.
Up to now, the Company has not yet been assessed by tax authorities.
The tax returns filed by Company are subject to examination by the tax authorities. Because the application of tax laws and regulations to many types of transactions is susceptible to varying interpretations, amounts reported in the financial statements could be changed at a later date upon final determination by the tax authorities.

	Cho kỳ kế toán mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 For the twelve-month period ended 31 December 2024	Cho kỳ kế toán mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 For the twelve-month period ended 31 December 2023
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành / Current CIT expense	67.215.829.882	58.447.848.930
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại (Thuyết minh 19.3) / Deferred CIT expense (Note 19.3)	(16.203.746)	(852.353.192)
	67.199.626.136	57.595.495.738

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
The Fund Management Company: Manulife Investment Fund Management (Vietnam) Company Limited
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q 7, TPHCM
Address: 4th Floor, Manulife Plaza, 75 Hoang Van Thai Street, Tan Phu Ward, District 7, Ho Chi Minh City, Vietnam
Điện thoại: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761
Tel: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 123/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)
Form B09 - CTQ
(According to Circular 123/2011/TT-BTC of Ministry of Finance)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

QUÝ IV NĂM 2024
4th Quarter 2024

19.1 Chi phí Thuế TNDN / CIT expense

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với suất thuế TNDN:

Reconciliation between CIT expense and the accounting profit multiplied by CIT rate is presented below:

	Cho kỳ kế toán mười hai tháng kết thúc ngày 31	Cho kỳ kế toán mười hai tháng kết thúc ngày 31
	For the twelve-month period ended 31 December 2023	For the twelve-month period ended 31 December 2024
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế / Accounting profit before tax	332.474.900.170	287.288.806.009.00
Thuế TNDN theo thuế suất 20% (2023: 20%) / At CIT rate of 20% (2023: 20%)	66.494.980.034	57.457.761.202.00
Điều chỉnh tăng / Increase:		
Xác định giá thị trường với giao dịch liên kết / Determining market prices in related-party transactions	441.256.945	-
Các khoản phạt / Penalties	5.967.841	-
Chi phí không được khấu trừ thuế / Non-deductible expenses	257.421.316	137.734.536.00
Chi phí thuế TNDN ước tính / Estimated CIT expenses	67.199.626.136	57.595.495.738.00
Chi phí thuế TNDN / CIT expenses	67.199.626.136	57.595.495.738.00

19.2

Chi phí Thuế TNDN hiện hành / CIT expenses

Thuế TNDN phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ trước và cũng không bao gồm các khoản phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán quý.

The current tax payable is based on taxable profit for the period. The taxable income of the Company for the period differs from profit as reported in the income statement because it excludes income or expenses that are taxable or deductible in prior periods and it further excludes items that are not taxable or deductible. The Company's liability for current tax is calculated using tax rates that have been enacted by the balance sheet date.

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
The Fund Management Company: Manulife Investment Fund Management (Vietnam) Company Limited
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM
Address: 4th Floor, Manulife Plaza, 75 Hoang Van Thai Street, Tan Phu Ward, District 7, Ho Chi Minh City, Vietnam
Điện thoại: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761
Tel: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 25/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)
Form B09 - CTQ
(According to Circular 125/2011/TT-BTC of Ministry of Finance)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

QUÝ IV NĂM 2024
4th Quarter 2024

19.3 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại / Deferred tax assets

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:
The following are the deferred tax assets recognised by the Company, and the movements thereon, during the current and prior reporting period:

	Bảng cân đối kế toán / Balance sheet		Báo cáo kết quả kinh doanh / Income statement			
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Cho kỳ kế toán mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024		Cho kỳ kế toán mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	
			For the twelve-month period ended 31 December 2024		For the twelve-month period ended 31 December 2023	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chi phí phải trả / Accrued expenses	3.007.347.410	3.006.022.689	1.324.721	876.235.628		
Trợ cấp thôi việc / Severance allowance	116.199.400	101.320.375	14.879.025	-23.882.436		
	3.123.546.810	3.107.343.064	16.203.746	852.353.192		

20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN / RELATED PARTY TRANSACTIONS AND BALANCES
Những giao dịch trong yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:
Significant transactions with related parties during the period were as follows:

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
The Fund Management Company: Manulife Investment Fund Management (Vietnam) Company Limited
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM
Address: 4th Floor, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái Street, Tan Phu Ward, District 7, Ho Chi Minh City, Vietnam
Điện thoại: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761
Tel: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)
Form B09 - CTQ
(According to Circular 125/2011/TT-BTC of Ministry of Finance)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

QUÝ IV NĂM 2024
4th Quarter 2024

Bên liên quan / Related party	Mối quan hệ / Relationship	Nội dung nghiệp vụ / Transaction	Cho kỳ kế toán mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	Cho kỳ kế toán mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
			For the twelve-month period ended 31 December 2024	For the twelve-month period ended 31 December 2023
			VND	VND
Công ty TNHH Manulife (Việt Nam) / Manulife (Vietnam) Limited	Công ty mẹ / Parent company	Phí quản lý danh mục đầu tư / Management fee	366.108.178.637	319.975.747.418
		Trả chi phí thuê văn phòng / Rental fee payment	2.473.098.828	2.365.991.663
		Trả chi phí dịch vụ / Service fee payment	2.418.926.898	2.304.040.938
		Cổ tức, lợi nhuận được phân phối / Dividend repatriation	500.000.000.000	-
Quỹ đầu tư Cổ phiếu Manulife ("MAFEQI") / Manulife Equity Fund ("MAFEQI")	Bên liên quan / Related party	Phí quản lý quỹ / Management fee	10.723.581.133	11.047.776.794
Quỹ đầu tư Cân bằng Manulife ("MAFBAL") / Manulife Balanced Fund ("MAFBAL")	Bên liên quan / Related party	Phí quản lý quỹ / Management fee	3.256.797.083	3.256.797.083
Manulife Financial Asia Limited	Công ty mẹ cấp cao / Superior parent company	Chi phí dịch vụ chi hộ / Expenses paid on behalf of the Company	336.326.701	232.004.319
		Chi phí dịch vụ IT / IT service expenses	1.428.332.549	1.353.890.173
John Hancock Life Insurance Company (U.S.A.)	Bên liên quan / Related party	Chi phí duy trì hệ thống Quản lý tài sản / Maintenance charges for Asset Management System	878.272.306	906.546.891
The Manufacturers Life Insurance Company	Công ty mẹ cấp cao / Superior parent company	Chi phí duy trì hệ thống Quản lý tài sản / Maintenance charges for Asset Management System	1.761.252.156	1.846.781.481
		Chi phí dịch vụ chi hộ / Expenses paid on behalf of the Company	247.698.930	2.050.891
Manulife Investment Management (Hong Kong) Limited	Bên liên quan / Related party	Phí dịch vụ tư vấn đầu tư / Income from investment advisory service	311.849.353	273.952.678



Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
The Fund Management Company: Manulife Investment Fund Management (Vietnam) Company Limited
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q 7, TPHCM
Address: 4th Floor, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái Street, Tân Phú Ward, District 7, Ho Chi Minh City, Vietnam
Điện thoại: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761
Tel: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)
Form B09 - CTQ
(According to Circular 125/2011/TT-BTC of Ministry of Finance)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

QUY IV NĂM 2024
4th Quarter 2024

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán Quý, các khoản phải thu(phải trả) với các bên liên quan như sau:
Amounts receivable from and payable to related companies at the balance sheet date were as follows:

Bên liên quan / Related party	Mối quan hệ / Relationship	Nội dung nghiệp vụ / Transaction	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 31 December 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 31 December 2023
			Phải thu/(Phải trả) / Receivable/ (Payable)	Phải thu/(Phải trả) / Receivable/ (Payable)
			VND	VND
Công ty TNHH Manulife (Việt Nam) / Manulife (Vietnam) Limited	Công ty mẹ / Parent company	Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư / Management fee receivables	30.277.883.743	27.019.079.498
Quỹ đầu tư Cổ phiếu Manulife ("MAFEQI") / Manulife Equity Fund ("MAFEQI")	Bên liên quan / Related party	Phải thu phí quản lý quỹ / Management fee receivables	806.580.106	884.724.421
Quỹ đầu tư Cân bằng Manulife ("MAFBAL") / Manulife Balanced Fund ("MAFBAL")	Bên liên quan / Related party	Phải thu phí quản lý quỹ / Management fee receivables	251.020.512	261.946.621
Manulife Financial Asia Limited	Công ty mẹ cấp cao / Superior parent company	Phải trả phí dịch vụ chi hộ và chi phí dịch vụ IT / Expenses paid on behalf of the Company and IT service expenses	(3.010.370.547)	(5.053.879.125)
John Hancock Life Insurance Company (U.S.A)	Bên liên quan / Related party	Phải trả phí duy trì hệ thống Quản lý tài sản / Maintenance charges for Asset Management System	(490.643.411)	(917.804.721)
The Manufacturers Life Insurance Company	Công ty mẹ cấp cao / Superior parent company	Phải trả phí duy trì hệ thống Quản lý tài sản và chi phí dịch vụ chi hộ / Maintenance charges for Asset Management System and expenses paid on behalf of the Company	(1.260.330.396)	(1.914.266.877)
Manulife Investment Management (Hong Kong) Limited	Bên liên quan / Related party	Phải thu phí dịch vụ tư vấn đầu tư / Receivable from investment advisory service	137.006.638	517.549.776



Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
The Fund Management Company: Manulife Investment Fund Management (Vietnam) Company Limited
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q 7, TPHCM
Address: 4th Floor, Manulife Plaza, 75 Hoang Van Thai Street, Tan Phu Ward, District 7, Ho Chi Minh City, Vietnam
Điện thoại: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761
Tel: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)
Form B09 - CTQ
(According to Circular 125/2011/TT-BTC of Ministry of Finance)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

QUÝ IV NĂM 2024
4th Quarter 2024

21.	TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC / ENTRUSTED INVESTORS' DEPOSIT	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
	31 December 2024	31 December 2024
	VND	VND

Công ty TNHH Manulife (Việt Nam) / Manulife (Vietnam)	4.867.712.921.092	2.724.948.991.870
Limited (i)		
Quỹ MAFEQI / MAFEQI Fund (ii)	38.234.639.864	8.739.264.556
Quỹ MAFBAL / MAFBAL Fund (iii)	12.912.102.299	2.644.258.234
Quỹ MAFFP1 / MAFFP1 Fund (iv)	253.381.243	253.381.243
Quỹ MDI / MDI Fund (v)	23.288.957.148	108.117.761.950
	4.942.402.001.646	2.844.703.657.853

(i)	Công ty TNHH Manulife (Việt Nam) / Manulife (Vietnam) Limited	
	Cho kỳ kế toán mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	Năm trước
	For the twelve-month period ended 31 December 2024	Previous year
	VND	VND

Số đầu kỳ / Beginning balance	2.724.948.991.870	2.960.511.626.725
Tăng trong kỳ / Increase in the period	62.117.704.709.942	40.352.019.447.165
Nhận tiền từ bán chứng khoán và các khoản đầu tư tiền gửi / Cash receipts from selling securities and matured term deposits	23.208.187.918.794	12.063.593.229.629
Tiền thu từ nhà đầu tư ủy thác / Receipts from the entrusted investor	15.055.253.519.566	12.537.159.349.175
Tiền lãi, cổ tức, và tiền tăng khác / Interests, dividend and other increases	23.854.263.271.582	15.751.266.868.361
Giảm trong kỳ / Decrease in the period	(59.374.940.780.720)	(40.587.582.082.020)
Thanh toán mua chứng khoán và các khoản đầu tư tiền gửi / Settlement for buying securities and term deposits	(37.828.178.135.687)	(25.829.787.545.890)
Rút vốn của nhà đầu tư ủy thác / Withdrawals from the entrusted investor	(2.577.622.055.312)	(4.041.373.426.692)
Chi phí và tiền giảm khác / Expenses and other decreases	(19.569.140.589.721)	(10.716.421.109.438)
Số cuối kỳ / Ending balance	4.867.712.921.092	2.724.948.991.870

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
The Fund Management Company: Manulife Investment Fund Management (Vietnam) Company Limited
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM
Address: 4th Floor, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái Street, Tân Phú Ward, District 7, Ho Chi Minh City, Vietnam
Điện thoại: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761
Tel: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)
Form B09 - CTQ
(According to Circular 125/2011/TT-BTC of Ministry of Finance)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

QUÝ IV NĂM 2024
4th Quarter 2024

(ii)

Quỹ MAFEQI / MAFEQI Fund		
	Cho kỳ kế toán mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	Năm trước
	For the twelve-month period ended 31 December 2024	Previous year
	VND	VND
Số đầu kỳ / Beginning balance	8.739.264.556	24.242.071.952
Tăng trong kỳ / Increase in the period	1.146.320.772.381	554.064.956.285
Nhận tiền từ bán chứng khoán / Cash receipts from selling securities	672.540.840.868	318.708.168.598
Tiền thu phát hành chứng chỉ quỹ / Proceeds from subscription of fund certificates	96.694.924.283	41.594.042.605
Tiền lãi, cổ tức, và tiền tăng khác / Interests, dividend and other increases	375.450.984.527	193.761.921.245
Nhận từ giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ MAFEQI với vai trò là Đại lý ký danh / Receipt from MAFEQI's fund certificates redemption as the nominee agent	1.634.022.703	823.837
Giảm trong kỳ / Decrease in the period	(1.116.825.397.073)	(569.567.763.681)
Thanh toán mua chứng khoán / Settlement for buying securities	(462.478.914.784)	(242.369.064.139)
Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ / Payment for redemption of fund certificates	(273.421.972.331)	(136.686.756.214)
Chi phí và tiền giảm khác / Expenses and other decreases	(379.290.487.255)	(190.531.119.491)
Thanh toán mua lại chứng chỉ quỹ MAFEQI cho nhà đầu tư với vai trò là Đại lý ký danh / MAFEQI's fund certificates redemption paid to investors as the nominee agent	(1.634.022.703)	(823.837)
Số cuối kỳ / Ending balance	38.234.639.864	8.739.264.556

Công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
The Fund Management Company, Manulife Investment Fund Management (Vietnam) Company Limited
 Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TP.HCM
 Address: 4th Floor, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái Street, Tân Phú Ward, District 7, Ho Chi Minh City, Vietnam
 Điện thoại: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761
 Tel: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)
Form B09 - CTQ

(According to Circular 125/2011/TT-BTC of Ministry of Finance)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

QUÝ IV NĂM 2024

4th Quarter 2024

(iii)	Quỹ MAFBAL / MAFBAL Fund	Cho kỳ kế toán mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	Năm trước
		For the twelve-month period ended 31 December 2024	Previous year
		VND	VND
	Số đầu kỳ / Beginning balance	2.644.258.234	11.435.824.858
	Tăng trong kỳ / Increase in the period	507.905.036.889	280.045.750.050
	Nhan tiền từ bán chứng khoán và các khoản đầu tư tiền gửi / Cash receipts from selling securities and matured term deposits	199.713.507.645	129.473.616.450
	Tiền thu phát hành chứng chỉ quỹ / Proceeds from subscription of fund certificates	45.450.143.998	21.677.430.968
	Tiền lãi, cổ tức, và tiền tăng khác / Interests, dividend and other increases	185.489.763.804	99.847.871.605
	Tiền gửi của nhà đầu tư quỹ MAFBAL trong kỳ với vai trò là Đại lý ký danh / Receipt from MAFBAL investors' deposit as the nominee agent (*)	27.389.420.952	12.963.300.000
	Nhan từ giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ MAFBAL với vai trò là Đại lý ký danh / Receipt from MAFBAL's fund certificates redemption as the nominee agent	49.862.200.490	16.083.531.027
	Giam trong kỳ / Decrease in the period	(497.537.192.824)	(288.837.316.674)
	Thanh toán mua chứng khoán và các khoản đầu tư tiền gửi / Settlement for buying securities and term deposits	(202.260.927.341)	(131.332.378.819)
	Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ / Payment for redemption of fund certificates	(83.900.982.004)	(57.291.107.300)
	Chi phí và tiền giảm khác / Expenses and other decreases	(134.156.682.037)	(70.458.999.528)
	Mua chứng chỉ quỹ MAFBAL với vai trò là Đại lý ký danh / Buying MAFBAL fund certificates as the nominee agent	(27.456.420.952)	(13.671.300.000)
	Thanh toán mua lại chứng chỉ quỹ MAFBAL cho nhà đầu tư với vai trò là Đại lý ký danh / MAFBAL's fund certificates redemption paid to investors as the nominee agent	(49.862.200.490)	(16.083.531.027)
	Số cuối kỳ / Ending balance	12.912.102.299	2.644.258.234

(*) Trong kỳ, Công ty với vai trò là Đại lý ký danh đã nhận các khoản tiền gửi của các nhà đầu tư với số tiền là 27.389.420.952 VND với cùng mục đích là mua chứng chỉ quỹ MAFBAL.
During the period, the Company as the nominee agent has received deposits from some investors amounting to VND 27.389.420.952 for buying MAFBAL fund certificates.

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
The Fund Management Company: Manulife Investment Fund Management (Vietnam) Company Limited
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM
Address: 4th Floor, Manulife Plaza, 75 Hoang Van Thai Street, Tan Phu Ward, District 7, Ho Chi Minh City, Vietnam
Điện thoại: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761
Tel: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)
Form B09 - CTQ
(According to Circular 125/2011/TT-BTC of Ministry of Finance)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

QUY IV NĂM 2024
4th Quarter 2024

(iv)	Quỹ MAFFP1 / MAFFP1 Fund (**)		
	Cho kỳ kế toán mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	Năm trước	
	For the twelve-month period ended 31 December 2024	Previous year	
	VND	VND	
Số đầu kỳ / Beginning balance			253.381.243
Giảm trong kỳ / Decrease in the period			-
Rút vốn của nhà đầu tư ủy thác / Withdrawals from the entrusted investor			-
Số cuối kỳ / Ending balance			253.381.243

(**)
Tại ngày lập báo cáo này, Quỹ đã ngừng hoạt động.
At the date of this report, the Fund had been closed.

(v)	Quỹ MDI / MDI Fund		
	Cho kỳ kế toán mười hai tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	Năm trước	
	For the twelve-month period ended 31 December 2024	Previous year	
	VND	VND	
Số đầu kỳ / Beginning balance			108.117.761.950
Tăng trong kỳ / Increase in the period			361.776.140.627
Nhận tiền từ bán chứng khoán và các khoản đầu tư tiền gửi / Cash receipts from selling securities and matured term deposits			122.984.136.514
Tiền thu phát hành chứng chỉ quỹ / Proceeds from subscription of fund certificates			54.551.015.601
Tiền lãi, cổ tức, và tiền tăng khác / Interests, dividend and other increases			184.240.988.512
Giảm trong kỳ / Decrease in the period			(446.604.945.429)
Thanh toán mua chứng khoán và các khoản đầu tư tiền gửi / Settlement for buying securities and term deposits			(241.810.231.705)
Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ / Payment for redemption of fund certificates			(21.301.554.548)
Chi phí và tiền giảm khác / Expenses and other decreases			(183.493.159.176)
Số cuối kỳ / Ending balance			23.288.957.148
			108.117.761.950

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
The Fund Management Company: Manulife Investment Fund Management (Vietnam) Company Limited
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q 7, TPHCM
Address: 4th Floor, Manulife Plaza, 75 Hoang Van Thai Street, Tan Phu Ward, District 7, Ho Chi Minh City, Vietnam
Điện thoại: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761
Tel: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)
Form B09 - CTQ
(According to Circular 125/2011/TT-BTC of Ministry of Finance)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

QUY IV NĂM 2024
4th Quarter 2024

DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC / ENTRUSTED INVESTORS' PORTFOLIO

22. Các giá trị bên dưới được trình bày theo giá ghi sổ.
The figures below are presented at book value

Ngày 31 tháng 12 năm 2024 31 December 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 31 December 2023
VND	VND
	(Trình bày lại) / (Re-presented)
118.376.351.481.721	102.082.656.925.617
446.037.120.380	519.304.755.029
220.586.381.472	231.437.441.320
124.754.140.269	-
119.167.729.123.842	102.843.399.121.966

Công ty TNHH Manulife (Việt Nam) / Manulife (Vietnam) Limited (i)
Quỹ MAFEQI / MAFEQI Fund (ii)
Quỹ MAFBAL / MAFBAL Fund (iii)
Quỹ MDI / MDI Fund (iv)

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
The Fund Management Company: Manulife Investment Fund Management (Vietnam) Company Limited
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM
Address: 4th Floor, Manulife Plaza, 75 Hoang Van Thai Street, Tan Phu Ward, District 7, Ho Chi Minh City, Vietnam
Điện thoại: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761
Tel: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)
Form B09 - CTQ
(According to Circular 125/2011/TT-BTC of Ministry of Finance)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

QUÝ IV NĂM 2024
4th Quarter 2024

(i) Công ty TNHH Manulife (Việt Nam) / Manulife (Vietnam) Limited

Ngày 31 tháng 12 năm 2024 31 December 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 31 December 2023
VND	VND

(Trình bày lại) / (Re-presented)

Chứng khoán vốn niêm yết / Listed equity securities	17.507.345.841.604	14.728.852.039.239
Trong đó, chứng khoán vốn niêm yết bị giảm giá / In which, impaired listed equity securities included:	5.090.361.841.093	4.729.597.219.212
%Giá trị giảm so với tổng giá trị của chứng khoán vốn niêm yết / % Impaired in value compared to the total value of listed equity securities	-2,27%	-4,91%

Chứng khoán vốn chưa niêm yết / Unlisted equity securities	3.620.196.832	-
Trong đó, chứng khoán vốn chưa niêm yết bị giảm giá / In which, impaired unlisted equity securities included:	5.896.832	-
%Giá trị giảm so với tổng giá trị của chứng khoán vốn chưa niêm yết / % Impaired in value compared to the total value of unlisted equity securities	-0,15%	0,00%

Chứng khoán nợ niêm yết / Listed debt securities	61.940.163.887.494	57.573.570.301.588
Trong đó, chứng khoán nợ niêm yết bị giảm giá / In which, impaired listed debt securities included:	-	-
%Giá trị giảm so với tổng giá trị của chứng khoán nợ niêm yết / % Impaired in value compared to the total value of listed debt securities	0,00%	0,00%

Chứng khoán nợ chưa niêm yết / Unlisted debt securities	13.103.963.832.919	11.077.721.191.403
Trong đó, chứng khoán nợ chưa niêm yết bị giảm giá / In which, impaired unlisted debt securities included:	13.103.963.832.919	11.077.721.191.403
%Giá trị giảm so với tổng giá trị của chứng khoán nợ chưa niêm yết / % Impaired in value compared to the total value of unlisted debt securities	-0,04%	-0,06%

Chứng chi tiền gửi / Certificate of deposits	544.593.736.335	-
Tiền gửi có kỳ hạn / Term deposits	25.276.663.986.537	18.712.513.393.387
	118.376.351.481.721	102.092.856.925.617

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
The Fund Management Company: Manulife Investment Fund Management (Vietnam) Company Limited
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM
Address: 4th Floor, Manulife Plaza, 75 Hoang Van Thai Street, Tan Phu Ward, District 7, Ho Chi Minh City, Vietnam
Điện thoại: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761
Tel: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)
Form B09 - CTQ
(According to Circular 125/2011/TT-BTC of Ministry of Finance)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

QUÝ IV NĂM 2024
4th Quarter 2024

(ii)	Quỹ MAFEQI / MAFEQI Fund	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 31 December 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 31 December 2023
	VND	VND	VND
(Trình bày lại) / (Re-presented)			
Chứng khoán vốn niêm yết / Listed equity securities Trong đó, các chứng khoán vốn niêm yết bị giảm giá / In which, impaired listed equity securities included: %Giá trị giảm so với tổng giá trị của chứng khoán vốn niêm yết / % Impaired in value compared to the total value of listed equity securities	446.037.120.380	519.304.755.029	
	83.310.263.567	134.242.175.964	
	-1,32%	-3,30%	
	446.037.120.380	519.304.755.029	
(iii)	Quỹ MAFBAL / MAFBAL Fund	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 31 December 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 31 December 2023
	VND	VND	VND
(Trình bày lại) / (Re-presented)			
Chứng khoán nợ niêm yết / Listed debt securities Trong đó, chứng khoán nợ niêm yết bị giảm giá / In which, impaired listed equity securities included: %Giá trị giảm so với tổng giá trị của chứng khoán nợ niêm yết / % Impaired in value compared to the total value of listed equity securities	105.068.652.568	108.665.916.644	
	17.989.700.331	30.896.560.665	
	-1,53%	-2,44%	
	45.526.924.676	69.768.524.676	
Chứng khoán nợ niêm yết / Listed debt securities Trong đó, chứng khoán nợ niêm yết bị giảm giá / In which, impaired listed debt securities included: %Giá trị giảm so với tổng giá trị của chứng khoán nợ niêm yết / % Impaired in value compared to the total value of listed debt securities	25.748.700.000	14.000.000.000	
	-0,25%	-0,01%	
	15.033.300.017	-	
	54.957.504.211	53.000.000.000	
Chứng chi tiền gửi / Certificate of deposits Tiền gửi có kỳ hạn / Term deposits	220.586.381.472	231.437.441.320	

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
The Fund Management Company: Manulife Investment Fund Management (Vietnam) Company Limited
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM
Address: 4th Floor, Manulife Plaza, 75 Hoang Van Thai Street, Tan Phu Ward, District 7, Ho Chi Minh City, Vietnam
Điện thoại: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761
Tel: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)
Form B09 - CTQ
(According to Circular 125/2011/TT-BTC of Ministry of Finance)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

QUÝ IV NĂM 2024
4th Quarter 2024

(iv)	Quỹ MDI / MDI Fund		
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	31 December 2024	31 December 2023	VND
Chứng khoán vốn niêm yết / Listed equity securities Trong đó, các chứng khoán vốn niêm yết bị giảm giá / In which, impaired listed equity securities included: % Giá trị giảm so với tổng giá trị của chứng khoán vốn niêm yết / % Impaired in value compared to the total value of listed equity securities		69.680.164.878	-
		19.041.421.686	-
			-1,56%
			-
Chứng chi tiền gửi / Certificate of deposits		3.484.801.083	-
		51.589.174.308	-
		124.754.140.269	-

23. CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC / RECEIVABLES OF ENTRUSTED PORTFOLIO

Phải thu lãi trái phiếu, cổ tức và lãi tiền gửi / Bond interest receivables, dividend receivables and term deposit interest receivables Phải thu bán chứng khoán / Security trading receivables Các khoản phải thu khác / Other receivables	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	31 December 2024	31 December 2023	VND
			(Trình bày lại) / (Re-presented)
	1.577.467.543.809	1.892.239.758.996	
	12.656.162.236	97.786.659.657	
	0	20.478.759.911	
	1.990.123.706.045	2.010.505.178.564	

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
The Fund Management Company: Manulife Investment Fund Management (Vietnam) Company Limited
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM
Address: 4th Floor, Manulife Plaza, 75 Hoang Van Thai Street, Tan Phu Ward, District 7, Ho Chi Minh City, Vietnam
Điện thoại: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761
Tel: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)
Form B09 - CTQ
(According to Circular 125/2011/TT-BTC of Ministry of Finance)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

QUÝ IV NĂM 2024
4th Quarter 2024

CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC / PAYABLES OF ENTRUSTED PORTFOLIO

24.

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 31 December 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 31 December 2023	VND
Phải trả phí khác / Other fees payables	2.743.124.081		2.106.805.095
Phải trả tiền mua chứng khoán / Security trading payables	33.662.052.454		130.998.981.169
Phải trả khác / Other payables	3.241.678.230		4.328.586.988
	39.646.854.765		137.434.373.252

25.

CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG / OPERATING LEASE COMMITMENTS

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:
The Company leases office premises under operating lease arrangements. The minimum lease commitments at the balance sheet day under the operating lease agreements are as follows:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 31 December 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 31 December 2023	VND
Dưới 1 năm / Less than 1 year	2.566.831.092		2.473.098.828
Từ 1 năm đến dưới 5 năm / From 1-5 years	5.397.558.033		7.964.389.125
	7.964.389.125		10.437.487.953

26.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.
Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
The Fund Management Company: Manulife Investment Fund Management (Vietnam) Company Limited
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM
Address: 4th Floor, Manulife Plaza, 75 Hoang Van Thai Street, Tan Phu Ward, District 7, Ho Chi Minh City, Vietnam
Điện thoại: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761
Tel: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)
Form B09 - CTQ
(According to Circular 125/2011/TT-BTC of Ministry of Finance)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

QUÝ IV NĂM 2024
4th Quarter 2024

The Company is exposed to market risk, credit risk and liquidity risk. Risk management is integral to the whole business of the Company. The Company has a system of controls in place to create an acceptable balance between the cost of risks occurring and the cost of managing the risks. The General Director continually monitors the Company's risk management process to ensure that an appropriate balance between risk and control is achieved.
The General Director reviews and approves the policies for managing each of these risks which are summarized below.

26.1

Rủi ro thị trường / Market risk

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tương đương tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì các khoản tiền gửi của Công ty có lãi suất cố định.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ là rủi ro liên quan đến lỗ phát sinh từ biến động của tỷ giá trao đổi ngoại tệ. Biến động tỷ giá trao đổi giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ mà Công ty có sử dụng có thể ảnh hưởng đến trạng thái tài chính và kết quả hoạt động của Công ty. Rủi ro tỷ giá ngoại tệ đối với Công ty chủ yếu đến từ tỷ giá trao đổi giữa đô la Mỹ và đồng Việt Nam. Công ty hạn chế rủi ro này bằng cách giám sát trạng thái ngoại tệ ròng.

Rủi ro về tỷ giá ngoại tệ của Công ty không lớn vì phần lớn các tài sản tài chính của Công ty là bằng đồng Việt Nam và các khoản nợ tài chính bằng ngoại tệ chỉ phát sinh với các bên liên quan và có giá trị không trong yếu.



Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
The Fund Management Company: Manulife Investment Fund Management (Vietnam) Company Limited
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM
Address: 4th Floor, Manulife Plaza, 75 Hoang Van Thai Street, Tan Phu Ward, District 7, Ho Chi Minh City, Vietnam
Điện thoại: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761
Tel: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)
Form B09 - CTQ
(According to Circular 125/2011/TT-BTC of Ministry of Finance)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

QUÝ IV NĂM 2024
4th Quarter 2024

Market risk is the risk that the fair value of future cash flows of a financial instrument will fluctuate because of changes in market prices. Market prices comprise four types of risk: interest rate risk, currency risk, commodity price risk and other price risk, such as equity price risk. Financial instruments affected by market risk include bank deposits.

Interest rate risk

Interest rate risk is the risk that the fair value or future cash flows of a financial instrument will fluctuate because of changes in market interest rates. The Company's exposure to market risk for changes in interest rate relates primarily to the Company's cash equivalents and short-term deposits. These investments are mainly short term in nature and they are not held for speculative purposes.

The Company manages interest rate risk by looking at the competitive structure of the market to obtain rates which are favorable for its purposes.
A sensitivity analysis is not performed for interest rate risk as the deposits bear fixed interest rates.

Foreign currency risk

Foreign currency risk is the risk of loss resulting from changes in foreign currency exchange rates. Fluctuations in exchange rates between VND and other currencies in which the Company conducts business may affect its financial condition and results of operations. The foreign current risk facing the Company mainly comes from movements in the USD/VND exchange rates. The Company seeks to limit its exposure to foreign currency risk by minimizing its net foreign currency position.
The foreign currency risk is considered low as majority of the Company financial assets are denominated in VND and financial liabilities in foreign currency are immaterial and only due to the related parties.

26.2
Rủi ro tín dụng / Credit risk

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.
Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Credit risk is the risk that counterparty will not meet its obligations under a financial instrument or customer contract, leading to a financial loss. The Company is exposed to credit risk from its financing activities, including deposits with banks.
The Company's bank balances are mainly maintained with well-known banks in Vietnam. Credit risk from balances with banks is managed by the Company's treasury department in accordance with the Company's policy. The Company evaluates the concentration of credit risk in respect to bank deposit is as low.

26.3
Rủi ro thanh khoản / Liquidity risk

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.
Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.
Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở không chiết khấu.

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
The Fund Management Company: Manulife Investment Fund Management (Vietnam) Company Limited
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q 7, TPHCM
Address: 4th Floor, Manulife Plaza, 75 Hoang Van Thai Street, Tan Phu Ward, District 7, Ho Chi Minh City, Vietnam
Điện thoại: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761
Tel: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)
Form B09 - CTQ
(According to Circular 125/2011/TT-BTC of Ministry of Finance)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

QUÝ IV NĂM 2024
4th Quarter 2024

The liquidity risk is the risk that the Company will encounter difficulty in meeting financial obligation due to shortage of funds. The Company's exposure to liquidity risk arises primarily from mismatches of maturities of financial assets and liabilities.
The Company monitors its liquidity risk by maintain a level of cash and cash equivalents deemed adequate by the General Director to finance the Company's operations and to mitigate the effects of fluctuations in cash flows.

The table below summarizes the maturity profile of the Company's financial assets and liabilities based on contractual undiscounted payments.

	Dưới 3 tháng / Less than 3 months			Từ 3 đến 12 tháng / From 3 months to 12 months			Từ 1 đến 5 năm / From 1 to 5 years			Trên 5 năm / More than 5 years			Tổng cộng /Totals	
	VND			VND			VND			VND			VND	
Ngày 31 tháng 12 năm 2024 / 31 December 2024														
Tài sản tài chính / Financial assets														
Tiền và các khoản tương đương tiền / Cash and cash equivalents	293.540.955.861			-			-			-			293.540.955.861	
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn / Short-term investments	366.629.087.846			307.674.197.296			-			-			674.303.285.142	
Phải thu hoạt động nghiệp vụ / Receivables from operating activities	31.614.706.274			-			-			-			31.614.706.274	
Các khoản phải thu khác / Other receivables	8.020.712.245			4.264.859.432			-			-			12.285.571.677	
	699.805.462.226			311.939.056.728			-			-			1.011.744.518.954	
Nợ phải trả tài chính / Financial liabilities														
Các khoản phải trả, phải nộp khác / Other payables	4.761.344.354			-			-			-			4.761.344.354	
Chi phí phải trả / Accrued expenses	2.339.929.049			681.000.000			-			-			3.020.929.049	
	7.101.273.403			681.000.000			-			-			7.782.273.403	
Ngày 31 tháng 12 năm 2023 / 31 December 2023														
Tài sản tài chính / Financial assets														
Tiền và các khoản tương đương tiền / Cash and cash equivalents	25.317.846.984			-			-			-			25.317.846.984	
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn / Short-term investments	207.707.491.966			463.625.044.500			-			-			671.332.536.466	
Phải thu hoạt động nghiệp vụ / Receivables from operating activities	28.751.688.737			-			-			-			28.751.688.737	
Các khoản phải thu khác / Other receivables	10.136.150.237			11.119.489.878			-			-			21.255.640.115	
	271.913.177.924			474.744.534.378			-			-			746.657.712.302	
Nợ phải trả tài chính / Financial liabilities														
Các khoản phải trả, phải nộp khác / Other payables	7.885.950.723			-			-			-			7.885.950.723	
Chi phí phải trả / Accrued expenses	4.357.406.446			308.000.000			-			-			4.665.406.446	
	12.243.357.169			308.000.000			-			-			12.551.357.169	

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
The Fund Management Company: Manulife Investment Fund Management (Vietnam) Company Limited
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM
Address: 4th Floor, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái Street, Tân Phú Ward, District 7, Ho Chi Minh City, Vietnam
Điện thoại: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761
Tel: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)
Form B09 - CTQ
(According to Circular 125/2011/TT-BTC of Ministry of Finance)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

QUÝ IV NĂM 2024
4th Quarter 2024

27. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH / FINANCIAL ASSETS AND LIABILITIES
Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính quý của Công ty.
Set out below is a comparison by class of the carrying amounts and fair value of the Company's financial instruments that are carried in the financial statements.

	Giá trị ghi sổ / Carrying amount		Giá trị hợp lý / Fair value	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
	31 December 2024	31 December 2023	31 December 2024	31 December 2023
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính / Financial assets				
Tiền và các khoản tương đương tiền / Cash and cash equivalents	293.540.955.861	25.317.846.984	293.540.955.861	25.317.846.984
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn / Short-term investments	674.303.285.142	671.332.536.466	674.303.285.142	671.332.536.466
Phải thu hoạt động nghiệp vụ / Receivables from operating activities	31.614.706.274	28.751.688.737	31.614.706.274	28.751.688.737
Các khoản phải thu khác / Other receivables	12.285.571.677	21.255.640.115	12.285.571.677	21.255.640.115
	1.011.744.518.954	746.657.712.302	1.011.744.518.954	746.657.712.302
Nợ phải trả tài chính / Financial liabilities				
Các khoản phải trả, phải nộp khác / Other payables	4.761.344.354	7.885.950.723	4.761.344.354	7.885.950.723
Chi phí phải trả / Accrued expenses	3.020.929.049	4.665.406.446	3.020.929.049	4.665.406.446
	7.782.273.403	12.551.357.169	7.782.273.403	12.551.357.169

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.
Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu hoạt động nghiệp vụ, phải thu khác, khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do chủ yếu những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

The fair value of the financial assets and liabilities represents the amount at which the instrument could be exchanged in a current transaction between willing parties, other than in a forced or liquidation sale.
The fair value of cash and cash equivalents, short-term investments, receivable from operating activities, other receivables, other payables and accrued expenses approximate their carrying amounts due mainly to the short-term maturities of these instruments.

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
The Fund Management Company: Manulife Investment Fund Management (Vietnam) Company Limited
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q 7, TPHCM
Address: 4th Floor, Manulife Plaza, 75 Hoang Van Thai Street, Tan Phu Ward, District 7, Ho Chi Minh City, Vietnam
Điện thoại: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761
Tel: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)
Form B09 - CTQ
(According to Circular 125/2011/TT-BTC of Ministry of Finance)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

QUÝ IV NĂM 2024
4th Quarter 2024

DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG / CORRESPONDING FIGURES

28. Công ty đã trình bày lại một số dữ liệu tương ứng trong thuyết minh về chi tiêu ngoại bảng cân đối kế toán của báo cáo tài chính quý cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 do thay đổi cách thức trình bày giá trị danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác từ giá thị trường thành giá gốc và điều chỉnh một khoản chênh lệch không đáng kể (chiếm tỷ trọng 0.005%) phải thu lãi trái phiếu ở thuyết minh các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2023. Chi tiết như sau:

The Company re-presented certain corresponding figures in the Off-balance sheet disclosure of the financial statement for the twelve-month period ended 31 December 2024 due to change in disclosure of the entrusted investors' portfolio from market value to cost value and adjusted the negligible variance (accounting for 0.005%) of Bond interest receivables in the Note of receivables of entrusted portfolio as of 31 December 2023. Details are as follows:

Trích từ các chi tiêu ngoại bảng cân đối kế toán
Extracted from Off-Balance Sheet

Mã số / Code	CHỈ TIÊU / ITEMS	Thuyết minh / Notes	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 31 December 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 31 December 2023	Chênh lệch / Variance
40	Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác / Entrusted investors' portfolio	22	VND (đã trình bày) / (as previously presented)	VND (trình bày lại) / (re-presented)	VND
50	Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác / Receivables of entrusted portfolio	23	112.137.964.720.895	102.843.399.121.966	(9.294.565.598.929)
			2.010.398.805.504	2.010.505.178.564	106.373.060

Trích từ thuyết minh Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác
Extracted from the Note of Receivables of Entrusted Portfolio

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 31 December 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 31 December 2023	Chênh lệch / Variance
	VND (đã trình bày) / (as previously presented)	VND (trình bày lại) / (re-presented)	VND
Phải thu lãi trái phiếu, cổ tức và lãi tiền gửi / Bond interest receivables, dividend receivables and term deposit interest receivables	1.892.133.385.936	1.892.239.758.996	106.373.060
Phải thu bán chứng khoán / Security trading receivables	97.786.659.657	97.786.659.657	-
Các khoản phải thu khác / Other receivables	20.478.759.911	20.478.759.911	-
	2.010.398.805.504	2.010.505.178.564	106.373.060

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
The Fund Management Company: Manulife Investment Fund Management (Vietnam) Company Limited
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM
Address: 4th Floor, Manulife Plaza, 75 Hoang Van Thai Street, Tan Phu Ward, District 7, Ho Chi Minh City, Vietnam
Điện thoại: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761
Tel: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)
Form B09 - CTQ
(According to Circular 125/2011/TT-BTC of Ministry of Finance)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

QUY IV NĂM 2024
4th Quarter 2024

0

Trích từ thuyết minh Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 31 December 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 31 December 2023	Chênh lệch / Variance
	VND	VND	VND
(đã trình bày) (as previously presented)	(trình bày lại) / (re-presented)		
Công ty TNHH Manulife (Việt Nam) / Manulife (Vietnam) Limited (i)	111.263.095.712.192	102.092.656.925.617	(9.170.438.786.575)
Quỹ MAFEQI / MAFEQI Fund (ii)	618.881.947.200	519.304.755.029	(99.577.192.171)
Quỹ MAFBAL / MAFBAL Fund (iii)	255.987.061.503	231.437.441.320	(24.549.620.183)
	112.137.964.720.895	102.843.399.121.966	(9.294.565.598.929)

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
The Fund Management Company: Manulife Investment Fund Management (Vietnam) Company Limited
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q 7, TPHCM
Address: 4th Floor, Manulife Plaza, 75 Hoang Van Thai Street, Tan Phu Ward, District 7, Ho Chi Minh City, Vietnam
Điện thoại: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761
Tel: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)
Form B09 - CTQ
(According to Circular 125/2011/TT-BTC of Ministry of Finance)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

QUY IV NĂM 2024
4th Quarter 2024

(i) Công ty TNHH Manulife (Việt Nam) / Manulife (Vietnam) Limited

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 31 December 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 31 December 2023	Chênh lệch / Variance
	VND	VND	VND
(đã trình bày) / (as previously presented)	(trình bày lại) / (re-presented)		
Chứng khoán vốn niêm yết / Listed equity securities	16.253.077.134.600	14.728.852.039.239	(1.524.225.095.361)
Trong đó, chứng khoán vốn niêm yết bị giảm giá / In which, impaired listed equity securities included:	4.007.086.930.400	4.729.597.219.212	722.510.288.812
%Giá trị giảm so với tổng giá trị của chứng khoán vốn niêm yết / %Impaired in value compared to the total value of listed equity securities	-4,43%	-4,91%	-0,48%
Chứng khoán vốn chưa niêm yết / Unlisted equity securities	-	-	-
Trong đó, chứng khoán vốn chưa niêm yết bị giảm giá / In which, impaired unlisted equity securities included:	-	-	-
%Giá trị giảm so với tổng giá trị của chứng khoán vốn chưa niêm yết / %Impaired in value compared to the total value of unlisted equity securities	0,00%	0,00%	0,00%
Chứng khoán nợ niêm yết / Listed debt securities	65.225.968.204.582	57.573.570.301.588	(7.652.397.902.994)
Trong đó, chứng khoán nợ niêm yết bị giảm giá / In which, impaired listed debt securities included:	-	-	-
%Giá trị giảm so với tổng giá trị của chứng khoán nợ niêm yết / %Impaired in value compared to the total value of listed debt securities	0,00%	0,00%	0,00%
Chứng khoán nợ chưa niêm yết / Unlisted debt securities	11.071.536.979.623	11.077.721.191.403	6.184.211.780
Trong đó, chứng khoán nợ chưa niêm yết bị giảm giá / In which, impaired unlisted debt securities included:	11.071.536.979.623	11.077.721.191.403	6.184.211.780
%Giá trị giảm so với tổng giá trị của chứng khoán nợ chưa niêm yết / %Impaired in value compared to the total value of unlisted debt securities	-0,06%	-0,06%	0,00%
Tiền gửi có kỳ hạn / Term deposits	18.712.513.393.387	18.712.513.393.387	-
	111.263.095.712.192	102.092.656.925.617	(9.170.438.786.575)

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
The Fund Management Company: Manulife Investment Fund Management (Vietnam) Company Limited
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q 7, TPHCM
Address: 4th Floor, Manulife Plaza, 75 Hoang Van Thai Street, Tan Phu Ward, District 7, Ho Chi Minh City, Vietnam
Điện thoại: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761
Tel: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)
Form B09 - CTQ
(According to Circular 125/2011/TT-BTC of Ministry of Finance)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

QUÝ IV NĂM 2024
4th Quarter 2024

(ii) Quỹ MAFEQI / MAFEQI Fund

Ngày 31 tháng 12 năm 2024 31 December 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 31 December 2023	Chênh lệch / Variance
VND	VND	VND
(đã trình bày) / (as previously presented)	(trình bày lại) / (re-presented)	
618.881.947.200	519.304.755.029	(99.577.192.171)
117.101.825.000	134.242.175.964	17.140.350.964
-2,77%	-3,30%	-0,53%
618.881.947.200	519.304.755.029	(99.577.192.171)

Chứng khoán vốn niêm yết / Listed equity securities
Trong đó, các chứng khoán vốn niêm yết bị giảm giá / In which, impaired listed equity securities included:
%Giá trị giảm so với tổng giá trị của chứng khoán vốn niêm yết / %Impaired in value compared to the total value of listed equity securities

(iii)

Quỹ MAFBAL / MAFBAL Fund

Ngày 31 tháng 12 năm 2024 31 December 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 31 December 2023	Chênh lệch / Variance
VND	VND	VND
(đã trình bày) / (as previously presented)	(trình bày lại) / (re-presented)	
130.707.219.900	108.668.916.644	(22.038.303.256)
28.241.810.600	30.896.560.665	2.654.750.065
-2,03%	-2,44%	-0,41%
72.279.841.603	69.768.524.676	(2.511.316.927)
13.995.100.000	14.000.000.000	4.900.000
-0,01%	-0,01%	0,00%
53.000.000.000	53.000.000.000	-
255.987.061.503	231.437.441.320	(24.549.620.183)

Chứng khoán nợ niêm yết / Listed debt securities
Trong đó, chứng khoán nợ niêm yết bị giảm giá / In which, impaired listed debt securities included:
%Giá trị giảm so với tổng giá trị của chứng khoán nợ niêm yết / %Impaired in value compared to the total value of listed debt securities

Tiền gửi có kỳ hạn / Term deposits

Chứng khoán nợ niêm yết / Listed debt securities
Trong đó, chứng khoán nợ niêm yết bị giảm giá / In which, impaired listed debt securities included:
%Giá trị giảm so với tổng giá trị của chứng khoán nợ niêm yết / %Impaired in value compared to the total value of listed debt securities

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
The Fund Management Company: Manulife Investment Fund Management (Vietnam) Company Limited
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TP.HCM
Address: 4th Floor, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái Street, Tân Phú Ward, District 7, Ho Chi Minh City, Vietnam
Điện thoại: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761
Tel: 028 3826 6222 . Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011 TT-BTC của Bộ Tài chính)
Form B09 - CTQ
(According to Circular 125/2011 TT-BTC of Ministry of Finance)

BAN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

QUÝ IV NĂM 2024
4th Quarter 2024

29.

SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỶ / SIGNIFICANT EVENT IN THE PERIOD

Ngày 29 tháng 11 năm 2023, Quốc Hội đã thông qua Nghị quyết số 107/2023/QH15 ("Nghị quyết 107") về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu. Nghị quyết 107 có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 1 năm 2024, áp dụng từ năm tài chính 2024, có tác động đến hoạt động kinh doanh của các tập đoàn đa quốc gia tại Việt Nam và các tập đoàn trong nước đầu tư ra nước ngoài. Vào ngày lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc Công ty đang trình tổng hợp thông tin và đánh giá ảnh hưởng của Nghị quyết 107 đối với số thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty phải nộp bổ sung (nếu có) trong các năm tài chính tiếp theo.

On 29 November 2023, the National Assembly approved Resolution No. 107/2023/QH15 ("Resolution 107") about application of top-up tax under the global anti-base erosion rules. Resolution 107 is effective from 1 January 2024, applies from the fiscal year of 2024, has impacts on the business activities of multinational corporations in Vietnam and domestic corporations investing abroad. At the date of these financial statements, General Director is the progress of obtaining related information and reviewing the impact of Resolution 107 with the Company's additional corporate income tax payables (if any) in the following financial years.

30.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN QUÝ / EVENTS AFTER THE BALANCE SHEET DATE

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán quý yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính quý của Công ty.

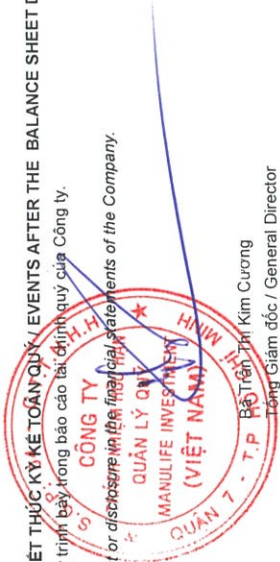
There is no matter or circumstance that has arisen since the balance sheet date that requires adjustment or disclosure in the financial statements of the Company.



Bà Nguyễn Thị Kim Oanh
Người lập / Preparer



Bà Lê Thị Kim Dung
Kế toán trưởng / Chief Accountant



Bà Trần Thị Kim Cương
Tổng Giám đốc / General Director

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam / Ho Chi Minh City, Vietnam

Ngày 20 tháng 01 năm 2025 / 20 January 2025

